

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ
HÓA LỎNG MIỀN NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Sỹ Thắng	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên
Ông Vũ Quý Hiệu	Ủy viên
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Hà Anh Tuấn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quý Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thực	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2013)
Ông Hà Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

Số: 293/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2014, từ trang 03 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê

Kiểm toán viên

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		1.302.965.551.590	857.193.806.731
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	231.322.825.832	251.630.371.077
1. Tiền	111		231.322.825.832	251.630.371.077
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		897.442.653.205	531.047.742.717
1. Phải thu khách hàng	131		859.446.707.537	502.614.790.700
2. Trả trước cho người bán	132		19.444.184.900	5.924.603.848
3. Các khoản phải thu khác	135	6	18.662.892.894	22.619.480.295
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(111.132.126)	(111.132.126)
III. Hàng tồn kho	140	7	143.996.074.815	65.774.745.375
1. Hàng tồn kho	141		147.576.868.662	65.774.745.375
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.580.793.847)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.203.997.738	8.740.947.562
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.662.013.222	4.711.513.336
2. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.382.481.185	224.541.872
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		40.406.312	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.119.097.019	3.804.892.354
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		1.107.365.075.672	1.353.800.123.748
I. Tài sản cố định	220		646.338.315.711	773.668.292.177
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	490.687.421.084	601.620.410.032
- Nguyên giá	222		814.576.490.782	827.961.327.994
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(323.889.069.698)	(226.340.917.962)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	103.448.168.906	143.461.707.347
- Nguyên giá	225		192.103.142.418	191.328.142.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(88.654.973.512)	(47.866.435.071)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	13.965.754.355	14.471.817.616
- Nguyên giá	228		15.636.973.639	15.636.973.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.671.219.284)	(1.165.156.023)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	38.236.971.366	14.114.357.182
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		301.244.318.080	364.860.026.582
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	301.244.318.080	301.244.318.080
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	14.307.460.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	50.000.000.000	80.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(50.000.000.000)	(30.691.751.498)
III. Tài sản dài hạn khác	260		159.782.441.881	215.271.804.989
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	135.132.548.181	195.213.252.614
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	5.499.218.456	3.420.466.131
3. Tài sản dài hạn khác	268		19.150.675.244	16.638.086.244
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.410.330.627.262	2.210.993.930.479

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

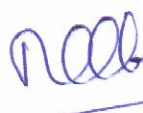
Đơn vị: VND

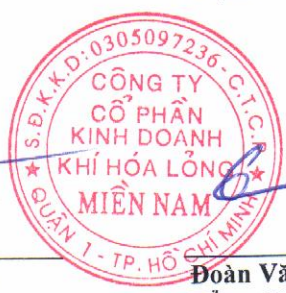
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.616.409.419.083	1.508.788.558.156
I. Nợ ngắn hạn	310		1.474.289.535.872	1.213.894.030.879
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	349.138.748.012	391.090.516.953
2. Phải trả người bán	312		1.051.180.783.267	755.196.200.844
3. Người mua trả tiền trước	313		51.257.188	397.153.939
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	2.042.443.666	17.392.002.123
5. Phải trả người lao động	315		13.156.371.801	12.314.185.181
6. Chi phí phải trả	316		26.422.226.308	14.096.784.673
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	26.814.166.590	13.880.471.298
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.483.539.040	9.526.715.868
II. Nợ dài hạn	330		142.119.883.211	294.894.527.277
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	23.907.771.735	39.835.785.135
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	118.212.111.476	255.058.742.142
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		793.921.208.179	702.205.372.323
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	793.921.208.179	702.205.372.323
1. Vốn cổ phần	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.594.384.212	45.594.384.212
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		221.978.771.534	134.522.738.960
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		31.582.216.577	26.779.215.612
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		114.765.835.856	115.309.033.539
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.410.330.627.262	2.210.993.930.479

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (Khí hóa lỏng - Kg)	1.916.351	1.108.431
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	80.299,60	8.235,66
- Đồng Euro (EUR)	943,25	1.122,38


 Lưu Trọng Nghĩa
 Người lập biểu


 Nguyễn Đăng Trình
 Kế toán trưởng


 Đoàn Văn Nhuộm
 Tổng Giám đốc
 Ngày 03 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAMLầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2013	2012
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	5.567.228.339.700	5.416.162.037.591
2. Các khoản giảm trừ	02	23	41.659.791.351	29.457.947.432
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	5.525.568.548.349	5.386.704.090.159
4. Giá vốn hàng bán	11	24	4.818.554.979.580	4.791.650.322.657
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		707.013.568.769	595.053.767.502
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	63.617.170.059	102.486.191.756
7. Chi phí tài chính	22	27	65.937.765.782	120.214.555.012
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.128.924.129	92.568.390.734
8. Chi phí bán hàng	24		454.852.159.322	356.416.684.486
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		83.983.155.472	57.690.805.120
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		165.857.658.252	163.217.914.640
11. Thu nhập khác	31		50.890.968.629	26.800.853.017
12. Chi phí khác	32		45.884.593.697	21.504.781.405
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	28	5.006.374.932	5.296.071.612
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		170.864.033.184	168.513.986.252
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	17.674.801.305	17.846.548.238
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	(2.078.752.325)	(3.420.466.131)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		155.267.984.204	154.087.904.145


Lưu Trọng Nghĩa
Người lập biểu

Nguyễn Đăng Trình
Kế toán trưởngĐoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc
Ngày 03 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	170.864.033.184	168.513.986.252
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	169.595.554.910	131.039.198.844
Các khoản dự phòng	03	22.889.042.349	26.526.283.299
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	118.026.833	1.391.607.654
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(96.344.391.998)	(101.564.759.291)
Chi phí lãi vay	06	46.128.924.129	92.568.390.734
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	313.251.189.407	318.474.707.492
Thay đổi các khoản phải thu	09	(374.715.903.334)	102.573.119.218
Thay đổi hàng tồn kho	10	(79.997.321.400)	(18.872.192.410)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	314.193.236.044	(120.193.426.818)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	57.238.991.062	(18.069.021.204)
Tiền lãi vay đã trả	13	(50.892.296.113)	(98.293.724.505)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(30.562.332.589)	(2.584.752.886)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	210.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(27.081.108.166)	(8.271.053.104)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	121.434.454.911	154.973.655.783
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (i)	21	(46.925.891.291)	(92.043.826.208)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	38.843.571.484	18.078.218.519
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (iii)	26	30.000.000.000	79.745.083.920
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60.716.019.258	105.293.538.338
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	82.633.699.451	111.073.014.569
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	752.365.692.360	511.688.516.127
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(901.510.407.459)	(645.746.752.418)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(29.653.684.508)	(28.155.301.644)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (ii)	36	(45.577.300.000)	(87.302.354.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(224.375.699.607)	(249.515.892.535)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(20.307.545.245)	16.530.777.817
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	251.630.371.077	235.097.611.466
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.981.794
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	231.322.825.832	251.630.371.077

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

- (i) Tiền chi xây dựng và mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 2.181.331.595 đồng (2012: 6.220.622.247 đồng) là số tiền chi cho mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.
- (ii) Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm cổ tức bằng tiền chưa thanh toán với số tiền là 464.194.187 đồng (năm 2012: 441.494.187 đồng). Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.
- (iii) Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm số tiền 60.868.690.270 đồng là khoản thu hồi dưới hình thức các tài sản khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần "Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh".



Lưu Trọng Nghĩa
Người lập biểu



Nguyễn Đăng Trình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007397 ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 158.756.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi ngày 24 tháng 02 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh là 380.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 4, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có bốn công ty con bao gồm Công ty Cổ phần CNH Việt Nam, Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam, Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông và Công ty TNHH MTV Bình Khí Dầu Khí Việt Nam. Hiện tại, Công ty TNHH MTV Bình Khí Dầu Khí Việt Nam đang tiến hành các thủ tục giải thể theo quy định hiện hành. Ngoài ra Công ty có các chi nhánh tại Cần Thơ, Nha Trang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Cà Mau, Gia Lai, Quảng Ngãi và Đồng Nai, Ninh Thuận, Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 467 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 351 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty gồm: Mua bán khí hóa lỏng, các sản phẩm khí, và các vật tư thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí hóa lỏng (trừ mua bán gas tại trụ sở chính Công ty); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyên giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; mua bán phân bón; kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản); dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con vào báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản cho vay dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế tài chính công ty, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán thực tế.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị (*)	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 04
Tài sản khác	03 - 04

(*) Máy móc, thiết bị bao gồm các tài sản sử dụng cho hoạt động kinh doanh khí CNG được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013 Số năm	2012 Số năm
Tài sản sử dụng cho hoạt động kinh doanh khí CNG	05	06

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của các tài sản cố định hữu hình và tài sản thuê tài chính được sử dụng cho hoạt động kinh doanh khí CNG, từ 06 năm xuống 05 năm. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian hữu dụng mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu thời gian hữu dụng trước đây (06 năm) được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong năm sẽ giảm với số tiền là 35.231.313.952 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm sẽ tăng với số tiền tương ứng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Lãi thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	2013 Số năm	2012 Số năm
Máy móc, thiết bị (*)	05	06
Phương tiện vận tải	03-06	03-06

(*) Xem thuyết minh thay đổi thời gian khấu hao được nêu ở phần “Tài sản cố định hữu hình và khấu hao”.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn và giá trị quyền thuê. Giá trị thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 09 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ giữ trên 50% quyền kiểm soát.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các doanh nghiệp khác được lập khi vốn góp thực tế của các bên vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các doanh nghiệp khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của đơn vị nhận đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại các đơn vị này.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vô bình gas chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Phân bổ giá trị vô bình gas

Giá trị của vô bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 10 năm (năm 2012: 10 năm). Ảnh hưởng của sự thay đổi này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày tại Thuyết minh số 14 và số 19.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tiền thuê đất, lợi thế sử dụng đất và thuê văn phòng

Tiền thuê đất, lợi thế sử dụng đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí cải tạo văn phòng, giá trị bộ chuyển đổi CNG và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng của các khoản chi phí trả trước dài hạn đó.

Phân bổ khoản ký quỹ, ký cược vô bình gas nhận được

Ký quỹ, ký cược vô bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vô bình gas. Số tiền đặt cọc còn lại chưa phân bổ vào doanh thu được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Công ty được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	7.089.200.590	5.513.307.094
Tiền gửi ngân hàng	224.103.111.667	246.117.063.983
Tiền đang chuyển	130.513.575	-
	231.322.825.832	251.630.371.077

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Góp vốn hợp tác xây văn phòng (*)	11.374.000.000	11.374.000.000
Phải thu khác	7.288.892.894	11.245.480.295
	18.662.892.894	22.619.480.295

(*) Đây là khoản góp vốn tạm thời của Công ty với Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam ("PVGAS D") để thực hiện dự án văn phòng làm việc tại Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty có trách nhiệm góp vốn phần nghĩa vụ còn lại sau khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và quyết toán công trình được phê duyệt. Mọi quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan đến dự án sẽ được phân bổ theo tỷ lệ giá trị góp vốn bằng tiền sau khi dự án hoàn thành. Vào thời điểm cuối năm 2013, dự án này đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng từ đầu năm 2014. Tuy nhiên, PVGAS D chưa tiến hành lập hồ sơ bàn giao một phần tòa nhà văn phòng cho Công ty và Công ty chưa có đủ cơ sở để ước tính giá trị bàn giao. Giá trị văn phòng mà Công ty sở hữu dự kiến cao hơn so với số tiền đã góp vốn cho PVGAS D. Số tiền chênh lệch sẽ được Công ty thanh toán khi nhận bàn giao một phần tòa nhà văn phòng từ PVGAS D. Theo đó, Công ty cũng thuyết minh về vấn đề này ở Thuyết minh số 30 "Cam kết chi tiêu vốn".

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	-	8.004.628.370
Nguyên liệu, vật liệu	24.951.730.411	3.777.563.093
Công cụ, dụng cụ	25.016.890.648	22.187.085.168
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.083.109.210	-
Thành phẩm	11.607.911.964	-
Hàng hóa	79.917.226.429	31.805.468.744
	147.576.868.662	65.774.745.375
Cộng: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.580.793.847)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	143.996.074.815	65.774.745.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	307.691.749.617	499.548.997.671	15.059.963.183	4.415.025.379	1.245.592.144	827.961.327.994
Mua sắm mới	1.791.904.735	8.411.826.511	220.000.000	324.206.836	-	10.747.938.082
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.189.780.170	5.051.268.203	-	-	-	7.241.048.373
Phân loại lại	891.213.485	(707.332.096)	-	-	-	183.881.389
Nhận bán giao từ công ty con (*)	3.547.586.247	32.549.110.657	425.676.161	44.166.673	-	36.566.539.738
Điều chỉnh theo Thông tư 45	(75.477.912)	(368.015.931)	(6.473.256)	(3.073.162.376)	(61.725.000)	(3.584.854.475)
Thanh lý, nhượng bán	-	(912.000.000)	-	-	-	(912.000.000)
Bán giao nội bộ cho Miền Đông	(7.536.107.156)	(55.817.698.805)	-	-	-	(63.353.805.961)
Tăng khác	-	(273.584.358)	-	-	-	(273.584.358)
Tại ngày 31/12/2013	308.500.649.186	487.482.571.852	15.699.166.088	1.710.236.512	1.183.867.144	814.576.490.782

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2013	62.614.797.250	150.826.242.755	9.253.928.371	2.925.714.897	720.234.689	226.340.917.962
Khấu hao trong năm	20.668.158.686	105.562.799.709	1.383.574.050	531.700.696	154.720.067	128.300.953.208
Bản giao nội bộ cho Miền Đông	(3.733.717.027)	(24.018.921.578)	-	-	-	(27.752.638.605)
Điều chỉnh theo Thông tư 45	(15.849.975)	(168.734.145)	-	(2.258.533.461)	(44.267.103)	(2.487.384.684)
Thanh lý, nhượng bán	-	(324.549.835)	-	-	-	(324.549.835)
Giảm khác	-	(188.228.348)	-	-	-	(188.228.348)
Tại ngày 31/12/2013	79.533.388.934	231.688.608.558	10.637.502.421	1.198.882.132	830.687.653	323.889.069.698

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2013	228.967.260.252	255.793.963.294	5.061.663.667	511.354.380	353.179.491	490.687.421.084
Tại ngày 31/12/2012	245.076.952.367	348.722.754.916	5.806.034.812	1.489.310.482	525.357.455	601.620.410.032

(*) Đây là giá trị còn lại của các tài sản cổ định hữu hình mà Công ty nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam khi công ty này thực hiện thủ tục giải thể theo Nghị quyết số 13/NQ-KMN ngày 18 tháng 11 năm 2013.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cổ định của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 6.007.302.542 đồng (tài sản 31 tháng 12 năm 2012: 4.607.155.754 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 57.980.240.833 đồng (tài sản 31 tháng 12 năm 2012: 117.234.920.755 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	189.806.907.418	1.521.235.000	191.328.142.418
Thuê tài chính trong năm	775.000.000	-	775.000.000
Tại ngày 31/12/2013	190.581.907.418	1.521.235.000	192.103.142.418
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	46.499.827.823	1.366.607.248	47.866.435.071
Khấu hao trong năm	40.682.897.124	105.641.317	40.788.538.441
Tại ngày 31/12/2013	87.182.724.947	1.472.248.565	88.654.973.512
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	103.399.182.471	48.986.435	103.448.168.906
Tại ngày 31/12/2012	143.307.079.595	154.627.752	143.461.707.347

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013 và 31/12/2013	14.045.372.678	1.464.370.376	127.230.585	15.636.973.639
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	633.342.821	404.582.617	127.230.585	1.165.156.023
Khấu hao trong năm	343.355.441	162.707.820	-	506.063.261
Tại ngày 31/12/2013	976.698.262	567.290.437	127.230.585	1.671.219.284
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	13.068.674.416	897.079.939	-	13.965.754.355
Tại ngày 31/12/2012	13.412.029.857	1.059.787.759	-	14.471.817.616

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.904.603.332 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.945.338.826 đồng), để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 153.10.105658917 HĐTH ngày 28 tháng 6 năm 2010 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 127.230.585 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 127.230.585 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bồn chứa CNG trong quá trình lắp đặt, chạy thử	11.590.692.360	-
Dự án cung cấp CNG cho giao thông vận tải	9.136.576.453	4.948.923.438
Xây dựng trạm CNG ở Đại học Quốc Gia	6.844.781.695	-
Công trình nội thất tòa nhà văn phòng	2.170.658.691	-
Công trình mở rộng trạm CNG Hiệp Phước	2.255.095.859	-
Trạm chiết nạp LPG Cần Thơ	2.968.057.218	2.968.057.218
Cải tạo trạm chiết Gia Lai	1.020.000.000	-
Cải tạo văn phòng trạm mẹ CNG Hiệp Phước	580.909.090	-
Dự án cung cấp CNG cho Khách hàng Công nghiệp	-	1.666.235.616
Trạm chiết nạp LPG Quảng Ngãi	-	2.860.940.910
Công trình khác	1.670.200.000	1.670.200.000
	38.236.971.366	14.114.357.182

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	31/12/2013 VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Vũng Tàu	55,20%	55,20%	137.748.402.000	Kinh doanh khí CNG
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (1)	Đồng Nai	55%	55%	63.495.916.080	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	100.000.000.000	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam (2)	Đồng Nai	100%	100%		Sản xuất, kinh doanh vỏ bình gas
				301.244.318.080	

(1) Theo Nghị quyết số 14/NQ-KMN ngày 10 tháng 12 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch mua lại 45% phần vốn góp tại Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam từ Công ty PTT Public. Kế hoạch này sẽ được hoàn thành trong năm 2014.

(2) Theo Nghị quyết số 13/NQ-KMN ngày 18 tháng 11 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch giải thể Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam để chuyển đổi thành chi nhánh Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam. Theo đó, chi nhánh này sẽ tiếp tục các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam

Chi nhánh Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam đã được thành lập ngày 09 tháng 12 năm 2013, theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0305097236-028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 09 tháng 12 năm 2013.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam đã đóng tài khoản ngân hàng, chuyển giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả cho Công ty và Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam đang tiến hành các thủ tục giải thể theo quy định hiện hành. Trong năm 2014, cơ quan thuế sẽ tiến hành quyết toán thuế trước khi đóng mã số thuế của Công ty TNHH MTV Bình khí Dầu khí Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	-	30.000.000.000
	50.000.000.000	80.000.000.000

(*) Thông tin chi tiết về Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	Long An	14%	14%	Cho thuê kho LPG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny và lập dự phòng giảm giá 100% cho khoản đầu tư này dựa trên tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny. Chi tiết như sau:

	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn
	VND
Tại ngày 01/01/2013	30.408.652.845
Trích dự phòng bổ sung trong năm	19.591.347.155
Tại ngày 31/12/2013	50.000.000.000

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ (1)	70.591.372.608	109.726.607.157
Trả trước tiền thuê đất (2)	12.238.071.714	9.905.213.672
Trả trước thuê văn phòng (3)	44.455.285.321	45.406.200.515
Giá trị bộ chuyển đổi khí CNG	-	11.572.396.189
Chi phí thuê và cải tạo văn phòng ở Nha Trang	6.691.451.546	7.349.186.533
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.156.366.992	11.253.648.548
	135.132.548.181	195.213.252.614

(1) Giá trị vỏ bình gas biến động trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	109.726.607.157	96.949.702.589
Tăng thêm trong năm	4.461.128.182	32.584.741.818
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(43.590.164.242)	(17.364.191.906)
Chuyển cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	-	(1.280.760.000)
Thanh lý	(6.198.489)	(1.162.885.344)
Tại ngày 31 tháng 12	70.591.372.608	109.726.607.157

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas từ 10 năm xuống 06 năm. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian phân bổ mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng vỏ bình gas của Công ty. Nếu thời gian phân bổ trước đây (10 năm) được tiếp tục sử dụng, chi phí phân bổ giá trị vỏ bình gas trong năm sẽ giảm với số tiền 26.006.270.415 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm sẽ tăng với số tiền tương ứng.

(2) Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Tiền thuê đất tại kho Gò Dầu phản ánh số tiền thuê 9.210m² được trả trước 05 năm cho Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai với thời hạn thuê là 20 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2008;
 - Tiền thuê đất kho Gò Dầu phản ánh số tiền thuê 2.270 m² được trả trước 02 năm cho Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai với thời hạn thuê là 16,5 năm kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2012;
 - Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu phản ánh số tiền thuê 6.675 m² trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 43,6 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2008;
 - Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Thành phố Cần Thơ phản ánh số tiền thuê 30.000 m² trả trước cho Công ty xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ với thời hạn thuê là 35 năm kể từ năm 2009.
- (3) Tiền thuê văn phòng trả trước phản ánh số tiền thuê 670,02 m² được trả trước 50 năm cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm:

	Chi phí phải trả VND	Các khoản dự phòng VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	67.871.875	3.352.594.256	3.420.466.131
Ghi nhận trong năm	(67.871.875)	2.146.624.200	2.078.752.325
Tại ngày 31/12/2013	-	5.499.218.456	5.499.218.456

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng bưu điện Liên Việt	-	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông (1)	50.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TMHH MTV Hong Leong Việt Nam	-	10.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (2)	150.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	118.066.666.666	261.510.407.459
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	31.072.081.346	29.580.109.494
Tổng cộng	349.138.748.012	391.090.516.953

(1) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông theo hợp đồng tín dụng số 01/CV-0147/KH/12NH ngày 29 tháng 10 năm 2012. Thời hạn vay từ ngày 26 tháng 12 năm 2013 đến ngày 27 tháng 01 năm 2014. Đây là khoản vay theo hình thức tín chấp với lãi suất là 6,75%/năm. Vốn vay được sử dụng để thanh toán tiền mua CNG cho Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam.

(2) Khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo hợp đồng vay ngày 11 tháng 12 năm 2013 và 26 tháng 12 năm 2013 để đầu tư ba bồn chứa khí CNG dưới hình thức tín chấp. Các khoản vay này đáo hạn sau 02 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất tương ứng là 5,8%/năm và 5,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	137.659.738	2.474.823.617
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.575.572.813	14.463.104.097
Thuế thu nhập cá nhân	329.211.115	454.074.409
	2.042.443.666	17.392.002.123

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2012 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng bán nội địa	2.474.823.617	813.737.027.066	(816.074.190.945)	137.659.738
Thuế nhập khẩu	-	1.731.705.167	(1.731.705.167)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.463.104.097	17.674.801.305	(30.562.332.589)	1.575.572.813
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	-	0	(40.406.312)	(40.406.312)
Thuế thu nhập cá nhân phải trả	454.074.409	6.065.605.871	(6.190.469.165)	329.211.115
Tổng cộng	17.392.002.123			2.002.037.354
Trong đó				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			(40.406.312)
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	17.392.002.123			2.042.443.666

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chiết khấu bán hàng	11.487.916.450	4.871.003.070
Kinh phí công đoàn	114.182.722	814.385.313
Bảo hiểm y tế	68.193.999	70.655.629
Cổ tức phải trả	464.194.187	441.494.187
Tiền nhận đầu tư văn phòng từ CNG Việt Nam	5.687.000.000	5.687.000.000
Các khoản khác	8.992.679.232	1.995.933.099
	26.814.166.590	13.880.471.298

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	39.835.785.135	40.176.758.681
Tăng thêm trong năm	4.597.375.000	8.978.089.998
Kết chuyển vào doanh thu	(20.210.568.400)	(7.197.290.554)
Thanh lý hợp đồng ký quỹ vỏ bình gas với khách hàng	(314.820.000)	(1.784.217.083)
Kết chuyển vào thu nhập khác	-	(337.555.907)
Tại ngày 31 tháng 12	23.907.771.735	39.835.785.135

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng từ 10 năm xuống 06 năm, tương ứng với sự thay đổi thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas (xem Thuyết minh số 14). Nếu thời gian phân bổ trước đây (10 năm) được tiếp tục sử dụng, doanh thu từ phân bổ số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng trong năm sẽ giảm với số tiền là 12.982.986.914 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm sẽ giảm với số tiền tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	153.333.333.334	200.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	20.050.000.000	31.450.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	175.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	28.443.740.793
Tổng các khoản vay dài hạn	<u>173.383.333.334</u>	<u>434.893.740.793</u>
 Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	 32.497.559.363	 43.642.681.763
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	18.072.761.679	27.567.735.349
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	41.068.480.639	36.598.588.969
Công ty TNHH Cho Thuê Tài chính Quốc Tế Chailease	2.328.724.473	3.446.512.221
Tổng các khoản nợ dài hạn	<u>93.967.526.154</u>	<u>111.255.518.302</u>
 Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)	 (118.066.666.666)	 (261.510.407.459)
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)	(31.072.081.346)	(29.580.109.494)
 Tổng cộng	 <u>118.212.111.476</u>	 <u>255.058.742.142</u>

Vay dài hạn

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn). Gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 173.383.333.334 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 406.450.000.000 đồng và 1.025.591 Euro). Các khoản vay này có thời hạn từ 02 đến 05 năm và chịu lãi suất tiền vay từ 7,5% đến 15,5%/năm. Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ các công trình xây dựng các dự án CNG, các bồn chứa khí, các kho chứa LPG tại Dung Quất, Gò Dầu và để mua cổ phần của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam. Một số khoản vay theo hình thức tín chấp. Một số khoản vay được thế chấp bằng nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi của Công ty (xem Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 10).

Nợ dài hạn

Nợ dài hạn bao gồm các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease và có thời hạn thuê từ 04 năm đến 05 năm. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam chịu lãi suất cho thuê từ 9,6%/năm đến 17%/năm. Lãi suất có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Sài Gòn Thương Tín cộng với 4,5% - 05%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Á Châu cộng với 4,5%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với 04%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	118.066.666.666	261.510.407.459
Trong năm thứ hai	55.316.666.668	118.066.666.667
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	55.316.666.667
	173.383.333.334	434.893.740.793
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	118.066.666.666	261.510.407.459
(được trình bày ở Thuyết minh số 16 phần vay ngắn hạn)		
Số phải trả sau 12 tháng	55.316.666.668	173.383.333.334

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản phải trả do thuê tài				
Trong vòng một năm	38.997.559.238	44.519.961.256	31.072.081.346	29.580.109.494
Trong năm thứ hai	63.355.389.136	41.931.932.765	57.884.781.870	30.841.624.836
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.339.752.828	58.164.411.211	5.010.662.938	50.833.783.972
	107.692.701.202	144.616.305.232	93.967.526.154	111.255.518.302
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(13.725.175.048)	(33.307.963.040)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	93.967.526.154	111.308.342.192	93.967.526.154	111.255.518.302
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			(31.072.081.346)	(29.580.109.494)
Số phải trả sau 12 tháng			62.895.444.808	81.675.408.808

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2013	31/12/2012
Được phép phát hành và đã góp đủ vốn		
Số lượng (cổ phần)	38.000.000	38.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	380.000.000.000	380.000.000.000
Cổ phiếu	31/12/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Tên cổ đông	31/12/2013		31/12/2012	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	134.000.000.000	35,26	134.000.000.000	35,26
Các cổ đông khác (*)	246.000.000.000	64,74	246.000.000.000	64,74
	<u>380.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>380.000.000.000</u>	<u>100</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cổ đông khác bao gồm một cổ đông là Halley Sicav - Halley Asian Prosperity có vốn góp là 29.993.000.000 đồng, tương đương 7,89% vốn cổ phần của Công ty.

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHÍNH KIẾN (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn kinh phí VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	380.000.000.000	45.594.384.212	105.438.557.128	19.393.592.261	56.562.304.695	435.000.000	607.423.838.296
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	154.087.904.145	-	154.087.904.145
Tặng khác	-	-	29.084.181.832	7.385.623.351	(36.469.805.183)	-	(16.871.370.118)
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	(16.871.370.118)	-	(845.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(200.000.000)	(645.000.000)	(41.800.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(41.800.000.000)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	380.000.000.000	45.594.384.212	134.522.738.960	26.779.215.612	115.309.033.539	-	702.205.372.323
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	155.267.984.204	-	155.267.984.204
Phân phối quỹ (1)	-	-	87.456.032.574	4.803.000.965	(92.259.033.539)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	-	(17.652.148.348)	-	(17.652.148.348)
Trích Quỹ thưởng HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành (1)	-	-	-	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	(45.600.000.000)	-	(45.600.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	380.000.000.000	45.594.384.212	221.978.771.534	31.582.216.577	114.765.835.856	-	793.921.208.179

- (1) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ Đầu tư Phát triển, Quỹ Dự phòng Tài chính, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi và Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2012 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2013.
- (2) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2013, Công ty đã công bố và chi trả cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2012 với số tiền là 45.600.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí LPG và khí CNG. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh xăng, dầu, nhớt, sản xuất và kinh doanh vỏ bình gas, cung cấp dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa bình gas, cho thuê kho. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (năm 2013 là 1%, năm 2012 là 0,8%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 23 và số 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu khí hóa lỏng	4.326.616.017.489	4.485.641.129.114
Doanh thu xăng dầu nhớt	9.724.309.652	21.758.974.179
Doanh thu từ tiền đặt cọc bình gas	20.210.568.400	7.197.290.554
Doanh thu khí CNG	1.186.519.703.241	889.125.495.127
Doanh thu khác	24.157.740.918	12.439.148.617
	5.567.228.339.700	5.416.162.037.591
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	41.659.791.351	29.457.947.432
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.525.568.548.349	5.386.704.090.159

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013 VND	2012 VND
Giá vốn kinh doanh khí hóa lỏng	4.117.888.411.673	4.285.902.678.928
Giá vốn kinh doanh xăng dầu nhớt	9.384.327.100	21.153.109.306
Giá vốn bình khí	1.190.312.376	-
Phân bổ vỏ bình	43.590.164.242	17.228.473.724
Giá vốn kinh doanh khí CNG	645.867.898.876	466.756.641.885
Giá vốn hoạt động khác	633.865.313	609.418.814
	4.818.554.979.580	4.791.650.322.657

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu	55.427.047.676	11.189.644.121
Chi phí nhân công	75.101.826.836	69.465.070.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	169.595.554.910	131.039.198.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	228.462.344.790	193.162.507.777
Chi phí khác	12.191.573.659	9.251.067.970
	540.778.347.871	414.107.489.606

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.445.961.258	10.537.422.949
Cổ tức, lợi nhuận được chia	53.270.058.000	91.296.460.486
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	364.475.879	616.626.291
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	35.682.030
Lãi từ thanh lý công ty con Bình Khí	2.484.263.919	-
Doanh thu tài chính khác	52.411.003	-
	63.617.170.059	102.486.191.756

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền vay	46.128.924.129	92.568.390.734
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	19.308.248.502	26.820.754.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	268.345.762	706.435.688
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	118.026.833	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	114.220.556	118.974.540
	65.937.765.782	120.214.555.012

28. LỢI NHUẬN KHÁC

	2013 VND	2012 VND
Thu từ thanh lý tài sản	36.215.822.905	18.291.410.905
Thu khác	14.675.145.724	8.509.442.112
Tổng	50.890.968.629	26.800.853.017
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	36.188.617.522	18.441.334.782
Chi phí khác	9.695.976.175	3.063.446.623
Chi phí khác	45.884.593.697	21.504.781.405
	5.006.374.932	5.296.071.612

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	170.864.033.184	168.513.986.252
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ thu nhập không chịu thuế	53.274.528.929	35.948.490.546
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	23.808.906.182	91.348.789.782
Thu nhập chịu thuế	141.398.410.437	113.113.687.016
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 25%, giảm 50%	141.398.410.437	113.113.687.016
	17.674.801.305	17.846.548.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG hiệu chỉnh số 49221000148 ngày 06 tháng 6 năm 2011, hoạt động kinh doanh khí CNG được miễn thuế một năm và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế là năm 2010 để được hưởng ưu đãi miễn thuế cho năm 2010. Theo đó, năm 2013 được xem là năm thứ tư hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế. Vì thế, Công ty được hưởng ưu đãi thuế là giảm 50%.

30. CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Di dời chi nhánh Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam

Theo Nghị quyết số 15/NQ-KMN ngày 13 tháng 12 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch di dời chi nhánh Nhà máy Bình khí Dầu khí Việt Nam từ Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai đến Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Tổng mức đầu tư cho kế hoạch này là 40 tỷ đồng được tài trợ 30% bằng vốn chủ sở hữu và 70% bằng vốn vay. Kế hoạch này sẽ được thực hiện trong năm 2014.

Xây dựng tòa nhà văn phòng làm việc

Như trình bày tại Thuyết minh số 6, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản cam kết chi tiêu vốn liên quan đến một phần giá trị tòa nhà văn phòng làm việc ở Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phải trả cho Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	5.559.648.698	4.071.787.985
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	3.700.420.900	2.460.333.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ 5	4.424.112.000	1.005.364.500
	8.124.532.900	3.465.697.500

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ, ngắn hạn và dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 20, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	467.350.859.488	646.149.259.095
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	231.322.825.832	251.630.371.077
Nợ thuần	236.028.033.656	394.518.888.018
Vốn chủ sở hữu	793.921.208.179	702.205.372.323
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,30	0,56

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	231.322.825.832	251.630.371.077
Phải thu khách hàng và phải thu khác	877.998.468.305	525.123.138.869
Các khoản ký quỹ	19.150.675.244	18.467.496.335
Khoản cho vay dài hạn	-	30.000.000.000
Tổng cộng	1.128.471.969.381	825.221.006.281
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	467.350.859.488	646.149.259.095
Phải trả người bán và phải trả khác	1.077.455.522.189	769.076.672.142
Chi phí phải trả	26.422.226.308	14.096.784.673
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	23.907.771.735	39.835.785.135
Tổng cộng	1.595.136.379.720	1.469.158.501.045

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	1.695.741.384	171.532.326	-	-
Euro (EUR)	27.386.320	1.000.005.087	16.432.728.778	29.429.044.908

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 03% so với Đô la Mỹ và 10% so với Euro. Tỷ lệ thay đổi 03% và 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ và Euro. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 03% và 10% thay đổi của tỷ giá đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ và Euro. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với đồng Việt Nam tăng/giảm 03% và tỷ giá Euro so với đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì biến động tỷ giá không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 sẽ tăng/giảm 9.221.829.571 đồng (2012: 12.427.994.924 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	231.322.825.832	-	231.322.825.832
Phải thu khách hàng và phải thu khác	877.998.468.305	-	877.998.468.305
Các khoản ký quỹ	-	19.150.675.244	19.150.675.244
Tổng cộng	1.109.321.294.137	19.150.675.244	1.128.471.969.381
31/12/2013			
Các khoản vay	349.138.748.012	118.212.111.476	467.350.859.488
Phải trả người bán và phải trả khác	1.077.455.522.189	-	1.077.455.522.189
Chi phí phải trả	26.422.226.308	-	26.422.226.308
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	23.907.771.735	23.907.771.735
Tổng cộng	1.453.016.496.509	142.119.883.211	1.595.136.379.720
Chênh lệch thanh khoản thuần	(343.695.202.372)	(122.969.207.967)	(466.664.410.339)
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	251.630.371.077	-	251.630.371.077
Phải thu khách hàng và phải thu khác	525.123.138.869	-	525.123.138.869
Các khoản ký quỹ	1.829.410.091	16.638.086.244	18.467.496.335
Khoản cho vay dài hạn	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Tổng cộng	778.582.920.037	46.638.086.244	825.221.006.281
31/12/2012			
Các khoản vay	391.090.516.953	255.058.742.142	646.149.259.095
Phải trả người bán và phải trả khác	769.076.672.142	-	769.076.672.142
Chi phí phải trả	14.096.784.673	-	14.096.784.673
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	39.835.785.135	39.835.785.135
Tổng cộng	1.174.263.973.768	294.894.527.277	1.469.158.501.045
Chênh lệch thanh khoản thuần	(395.681.053.731)	(248.256.441.033)	(643.937.494.764)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình do hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh số 33. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (Công ty mẹ) và các công ty khác trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, công ty mẹ của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	2013 VND	2012 VND
Bán hàng		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	28.683.037	120.747.354
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất dầu khí	-	69.826.823
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	-	203.271.801.725
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	960.066.931.698	1.055.211.546.515
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	1.066.760.221.424	1.033.772.901.348
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	97.726.487.582	125.117.107.493
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	-	289.370.310.476
Công ty chế biến khí Vũng Tàu	-	4.261.782.336
Công ty CP TM DV dầu khí Vũng Tàu	-	12.468.341.629
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	-	912.068.633
Bán Tài sản cố định		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	35.601.167.356	-
Bán Công cụ dụng cụ		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	9.623.615.702	-
Mua hàng		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	-	1.564.506.203.341
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	-	27.634.741.818
Công ty cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	465.175.913.065
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	2.962.568.960	8.723.330.909
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	82.183.322.648	71.073.435.649
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	1.070.017.798	8.398.675
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	-	4.145.135.885
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	2.705.237.637.103
Đầu tư vào công ty con		
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	63.495.916.080	63.495.916.080
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	137.748.402.000	137.748.402.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	100.000.000.000	100.000.000.000
Thu lãi cho vay		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	961.250.000	6.456.666.666
Nợ gốc nhận được		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	30.000.000.000	70.000.000.000
Nhận cổ tức		
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	16.500.000.000	27.500.000.000
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	36.770.058.000	73.541.544.406
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	6.997.439.437	5.640.186.892

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam, số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	-	30.000.000.000
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	148.754.749.209	146.338.154.640
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc	-	225.761.048
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	16.818.296.150	13.958.996.822
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	234.193.383.360	129.719.842.096
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	213.985.668.953	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	-	25.684.524.138
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	-	218.622.060
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	-	5.687.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	11.374.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	-	1.090.877.209
Tổng công ty Phân bón và Hoá chất dầu khí	-	8.322.775
Công ty TNHH Khí Hóa Lỏng Việt Nam	194.004.902	6.937.553.035
Phải trả		
Công ty TNHH Khí Hóa Lỏng Việt Nam	535.656.745	593.767.992
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	212.629.405	5.445.000.000
- Vay dài hạn	-	375.000.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam	-	222.078.317.215
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	-	2.796.789.441
Công ty cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	207.837.217.224
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	-	253.553.300
Công ty Cổ phần truyền thông Dầu khí Việt Nam - PV Media	-	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	302.308.348.438
Công ty cổ phần tập đoàn năng lượng dầu khí	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống bê chứa Dầu khí	-	768.126.145
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	5.687.000.000	5.687.000.000

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

35. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 03 tháng 3 năm 2014.



Lưu Trọng Nghĩa
 Người lập biểu



Nguyễn Đăng Trình
 Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
 Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014